

Phụ lục IV**MẪU THÔNG BÁO SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỖ CÔNG NGHIỆP,
THÔNG BÁO THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NỖ MÌN**

(kèm theo Thông tư số ~~2~~ 3/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Ký hiệu | Tên biểu mẫu |
|----------------|--|
| Mẫu số 01 | Thông báo sử dụng vật liệu nỗ công nghiệp |
| Mẫu số 02 | Thông báo thực hiện hoạt động dịch vụ nỗ mìn |

Mẫu số 01. Thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.....⁽¹⁾.....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO
Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệpKính gửi:⁽²⁾.....

Thực hiện quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Thông tư số 23./2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, ...⁽¹⁾... thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như sau:

1. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Vị trí, phạm vi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....

3. Khoảng cách gần nhất từ vị trí nổ mìn đến công trình, khu dân cư lân cận:

4. Phương pháp nổ mìn:

5. Quy mô nổ mìn (số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp; lượng thuốc nổ lớn nhất trong một lần sử dụng):

6. Giờ nổ mìn trong ngày (đối với nổ mìn lộ thiên):

7. Thời hạn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 8.

Các biện pháp an toàn khi nổ mìn: 9. Danh

sách người liên quan đến hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp:

| TT | Họ và tên | Số định danh | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Công việc được giao |
|----|-----------|--------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | | | | | (3) |
| | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁵⁾.....;-⁽⁶⁾.....;- Lưu:⁽⁷⁾.....,.....⁽⁴⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

w ang

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- (2) Tên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Ghi rõ công việc được giao (Ví dụ: Người quản lý, chỉ huy nổ mìn; thợ nổ mìn; người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp...).
- (4) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (5) Sở Công Thương nơi tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- (6) Tên các tổ chức có liên quan.
- (7) Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu số 02. Thông báo thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn

Kính gửi:

.....⁽²⁾.....
.....⁽³⁾.....

Thực hiện quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Thông tư số 23./2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, ...⁽¹⁾... thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như sau:

1. Giấy phép dịch vụ nổ mìn số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
2. Hợp đồng dịch vụ nổ mìn số ... ngày ... tháng ... năm giữa⁽⁴⁾..... với⁽¹⁾.....
3. Vị trí, phạm vi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....
4. Khoảng cách gần nhất từ vị trí nổ mìn đến công trình, khu dân cư lân cận:
5. Phương pháp nổ mìn:
6. Quy mô nổ mìn (số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp; lượng thuốc nổ lớn nhất trong một lần sử dụng):
7. Giờ nổ mìn trong ngày (đối với nổ mìn lộ thiên):
8. Thời hạn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 9. Các biện pháp an toàn khi nổ mìn:
10. Danh sách người liên quan đến hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp:

| TT | Họ và tên | Số định danh | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Công việc được giao ⁽⁵⁾ |
|----|-----------|--------------|---------------------|---------------------|---------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁷⁾.....;
-⁽⁸⁾.....;
- Lưu:⁽⁹⁾.....,

.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép dịch vụ nổ mìn.
- (2) Tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- (2) Tên Ủy ban nhân dân cấp xã.
- (4) Tên tổ chức, doanh nghiệp thuê dịch vụ nổ mìn.
- (5) Ghi rõ công việc được giao (Ví dụ: Người quản lý, chỉ huy nổ mìn; thợ nổ mìn; người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp...).
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (7) Sở Công Thương nơi tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn.
- (8) Tên các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- (9) Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.






Phụ lục V**MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN VỀ ĐĂNG KÝ ĐỂ NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN, THỬ NGHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ VÀO DANH MỤC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM**

(kèm theo Thông tư số **23**/2024/TT-BCT ngày **07** tháng **11** năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Ký hiệu | Tên biểu mẫu |
|----------------|--|
| Mẫu số 01 | Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ |
| Mẫu số 02 | Nội dung thuyết minh dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ |
| Mẫu số 03 | Nội dung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ |
| Mẫu số 04 | Nội dung thuyết minh đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ |
| Mẫu số 05 | Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp |
| Mẫu số 06 | Quyết định công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp |

Mẫu số 01. Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v ...⁽³⁾... nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm vật liệu nổ

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:⁽¹⁾.....

2. Địa chỉ liên lạc (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):

.....

Điện thoại: Email:

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số Cơ quan cấp: cấp ngày tại

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Thông tư số ~~23~~/2024/TT-BCT ngày ~~07~~ tháng ~~11~~ năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, ...⁽¹⁾... đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm vật liệu nổ với nội dung, hồ sơ như sau:

a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

b) Lý do đề xuất (*Nêu rõ tính cấp thiết, vấn đề thực tiễn cần giải quyết và sự phù hợp của vấn đề cần giải quyết với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến: làm rõ triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp*):

c) Mục tiêu (*Nêu cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể*):

d) Yêu cầu về sản phẩm (*Mô tả dự kiến sản phẩm có thể đạt được, dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm; Ảnh hưởng của kết quả dự kiến đạt được đến nghiên cứu/sản xuất, đối tượng hưởng lợi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Mô tả phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng tiếp theo*):

đ) Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả (*Liệt kê các nội dung chính sẽ thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra*):

e) Dự kiến thời gian thực hiện (*số tháng, bắt đầu từ...*):

g) Khả năng và địa chỉ áp dụng (*Nêu rõ khả năng, hiệu quả, tác động của việc áp dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào thực tế, dự báo nhu cầu (địa điểm, quy mô, thời gian, đối tượng....)*):

(*Có Thuyết minh nhiệm vụ kèm theo*)

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê duyệt nhiệm vụ đề ...⁽¹⁾... triển khai thực hiện theo quy định.

...⁽¹⁾... cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, các quy định khác có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nói trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

(*Họ tên, chữ ký và đóng dấu*)

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức/doanh nghiệp đăng ký nhiệm vụ.
- (2) Địa danh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp.
- (3) Nội dung đăng ký (*Đăng ký mới hoặc đăng ký bổ sung*).

Mẫu số 02. Nội dung thuyết minh dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án: Mã số:

2. Thời gian thực hiện

3. Chủ nhiệm dự án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):.....4. Thư ký dự án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
.....5. Tổ chức chủ trì thực hiện dự án (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):6. Tổ chức tham gia chính (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu người đại diện theo pháp luật*):7. Người tham gia thực hiện dự án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án*):8. Xuất xứ dự án (*Ghi rõ xuất xứ của dự án (từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị; từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ; kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài; sản phẩm khoa học và công nghệ khác)*):
.....9. Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án (*Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án; lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án; tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; năng lực thực hiện dự án; khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất, kinh doanh,...)*):**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**1. Mục tiêu (*Ghi rõ mục tiêu của dự án sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra; mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm*):2. Nội dung (*Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ*

của dự án) để triển khai trong dự án; phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ; liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm):

.....

3. Phương án triển khai (*Phương thức tổ chức thực hiện; mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án; Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án*):

4. Sản phẩm của Dự án:

5. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc:

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

Mẫu số 03. Nội dung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

1. Tên đề tài: Mã số:
2. Thời gian thực hiện
3. Chủ nhiệm đề tài (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
4. Thư ký đề tài (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
5. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
6. Tổ chức tham gia chính (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
7. Người tham gia thực hiện đề tài (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án*):

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

1. Mục tiêu của đề tài:
2. Tình trạng đề tài:
3. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:
4. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:
5. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện:
6. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:
7. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước:
8. Tiến độ thực hiện (*Ghi rõ tiến độ, người thực hiện của các nội dung, công việc*):

III. SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ TÀI

1. Sản phẩm khoa học và công nghệ chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (*Liệt kê theo dạng sản phẩm*):



2. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu: ...

.....

3. Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả đề tài:

4. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

Handwritten signature

Mẫu số 04. Nội dung thuyết minh đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN**

1. Tên đề án: Mã số:
2. Thời gian thực hiện:
3. Chủ nhiệm đề án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
4. Thư ký đề án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; Fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
5. Tổ chức chủ trì thực hiện đề án (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
6. Tổ chức tham gia chính (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
7. Người tham gia thực hiện đề án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án*):

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu của đề án:
2. Tình trạng đề án:
3. **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án**
4. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:
5. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề án và phương án thực hiện:
6. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:
7. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước:
8. Tiến độ thực hiện (*Ghi rõ tiến độ, người thực hiện của các nội dung, công việc*):

Mẫu số 05. Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v⁽³⁾..... sản phẩm vật
liệu nổ vào Danh mục vật liệu
nổ công nghiệp

.....⁽²⁾....., ngày tháng ... năm

Kính gửi: Bộ Công Thương

- 1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:⁽¹⁾.....
- 2. Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Email:
- 3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số Cơ quan cấp: cấp ngày tại
- 4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Thông tư số 23./2024/TT-BCT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, ...⁽¹⁾... đăng ký sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam với nội dung, hồ sơ như sau:
 - a) Tên sản phẩm vật liệu nổ:
 - b) Bản sao thông báo bằng văn bản đến tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện sản xuất thử nghiệm (nếu có);
 - c) Bản sao phương án sản xuất thử nghiệm được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp đối với sản phẩm sản xuất trong nước (nếu có);
 - d) Bản dịch ra tiếng Việt chỉ tiêu kỹ thuật, mô tả chi tiết về đặc tính, công dụng, hướng dẫn sử dụng của sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp mới đối với sản phẩm nhập khẩu mới;
 - đ) Bảng các chỉ tiêu kỹ thuật, mô tả chi tiết về đặc tính, công dụng, hướng dẫn sử dụng của sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp mới đối với sản phẩm sản xuất lần đầu của Dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, nhiệm vụ nghiên cứu kèm theo bản sao Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu;
 - e) Bản sao Bản công bố hợp quy sản phẩm theo quy định;
 - g) Bản sao kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;

h) Kết quả thử nổ công nghiệp (nếu có).

(Có bản sao các văn bản kèm theo)

Đề nghị Bộ Công Thương công nhận kết quả đăng ký và xem xét, bổ sung vật liệu nổ công nghiệp mới vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

...⁽¹⁾... cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, các quy định có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nói trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Họ tên, chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức/doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.
- (2) Địa danh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.
- (3) Nội dung đăng ký (*Đăng ký mới hoặc đăng ký bổ sung*).

Nguyễn Văn A

Mẫu số 06. Quyết định công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 32/2019/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT);

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thí nghiệm và giám sát thử nổ công nghiệp sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp ...;

Căn cứ Biên bản họp ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng khoa học và công nghệ ...;

Xét đề nghị của ...⁽¹⁾... về việc đăng ký sản phẩm ...⁽²⁾... vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đăng ký sản phẩm ...⁽²⁾... do⁽³⁾... sản xuất

an
dy

vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam.

Chi tiết chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật sản phẩm ...⁽²⁾... do ...⁽³⁾... sản xuất tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trong quá trình sản xuất/nhập khẩu sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp nêu tại Điều 1, ...⁽⁴⁾... có trách nhiệm sau:

1. Đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định tại ...
2. Tuân thủ các quy định tại ...
3. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị, ổn định chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất/kinh doanh/sử dụng; chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng sản phẩm với các đơn vị sử dụng theo thời gian bảo hành đăng ký.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng các Cục: Hóa chất, Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; ...⁽¹⁾... và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ...;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

....

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Tên tổ chức/doanh nghiệp sản xuất/kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp tại Việt Nam;
- ⁽²⁾ Tên sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽³⁾ Tên tổ chức/doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp tại Việt Nam/nước ngoài;
- ⁽⁴⁾ Tên tổ chức/doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp tại Việt Nam hoặc ghi tên của đơn vị cung ứng nếu là sản phẩm nhập khẩu.

uu *duy*

Phụ lục VI**NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ RỦI RO VỀ AN TOÀN**

(kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Mục đích

- a) Nhận diện các mối nguy hiểm;
- b) Đánh giá rủi ro trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

2. Phạm vi công việc: Đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp để loại trừ, giảm thiểu rủi ro.

3. Tài liệu liên quan**4. Từ viết tắt thông dụng, các thuật ngữ****5. Xác định mối nguy**

Xác định tất cả các loại nguy hiểm (yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại), nguồn gốc và nguyên nhân gây ra các nguy hiểm đó cũng như hậu quả có thể xảy ra của nó đối với con người tại tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cũng như những người không thuộc tổ chức nhưng hiện diện trong khu vực nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, sử dụng, tiêu hủy.

Các nội dung cần phải xem xét đến khi xác định mối nguy gồm:

- a) Các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên;
- b) Các hoạt động của những người có khả năng tiếp cận đến khu vực nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, sử dụng, tiêu hủy;
- c) Các hành vi, khả năng và các nhân tố liên quan đến con người khác;
- d) Xác định các mối nguy bắt nguồn từ bên ngoài nơi làm việc mà có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn của những người chịu ảnh hưởng kiểm soát của tổ chức trong phạm vi nơi làm việc;
- đ) Các mối nguy do hoạt động dưới sự kiểm soát của tổ chức, doanh nghiệp tạo ra trong vùng lân cận của nơi làm việc;
- e) Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và vật liệu tại nơi làm việc do tổ chức hay người khác cung cấp;
- g) Các thay đổi hay đề xuất thay đổi trong tổ chức, đối với các hoạt động, hay vật tư;
- h) Các điều chỉnh đối với hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường bao gồm các thay đổi mang tính tạm thời và ảnh hưởng của chúng đối với việc điều hành, các quá trình và các hoạt động;
- k) Việc thiết kế khu vực làm việc, các quá trình, việc lắp đặt, máy, thiết

bị, các thủ tục điều hành và tổ chức công việc, bao gồm việc thích ứng với khả năng của con người.

6. Đánh giá rủi ro

a) Xác định các giải pháp kiểm soát các mối nguy hiểm có sẵn

- Các giải pháp phải là giải pháp đã được thực hiện trong thực tế, đã được ban hành trong nội quy, quy trình, quy định về an toàn, phiếu công tác..., không phải là giải pháp mà người đánh giá đặt ra trong quá trình đánh giá;

- Yêu cầu các giải pháp kiểm soát mối nguy hiểm có sẵn phải được liệt kê: Ngắn gọn, chính xác, đầy đủ và càng cụ thể càng tốt. Cũng cần xem xét hiệu quả của các giải pháp có sẵn trong thực tế.

b) Đánh giá hậu quả của các mối nguy hiểm đã được xác định

Hậu quả là mức độ của chấn thương hoặc thiệt hại gây ra bởi tai nạn/sự cố, ốm đau từ mối nguy hiểm tại nơi làm việc. Hậu quả có thể được chia làm nhiều loại khác nhau dựa trên mức độ sự cố, thương tật. Ví dụ:

| Hậu quả | Mô tả |
|------------|--|
| Nhẹ | <i>Không chấn thương, chấn thương hoặc ốm đau chỉ yêu cầu sơ cứu (bao gồm các vết đứt và trầy xước nhỏ, sưng tấy, ốm đau với lo lắng tạm thời)</i> |
| Trung bình | <i>Chấn thương yêu cầu điều trị y tế hoặc ốm đau dẫn đến ốm yếu tàn tật (bao gồm vết rách, bong, bong gân, gãy nhỏ, viêm da, điếc, ...)</i> |
| Nặng | <i>Chết người, chấn thương trầm trọng hoặc bệnh nghề nghiệp có thể làm chết người (bao gồm cụt chân tay, gãy xương lớn, đa chấn thương, ung thư nghề nghiệp, nhiễm độc cấp tính và chết người)</i> |

Hoặc chia thành 5 cấp độ như bảng sau đây:

| Cấp độ | Mô tả | Diễn giải |
|--------|---------------|--|
| A | Thảm khốc | Tử vong |
| B | Cao | Thương tật nghiêm trọng vĩnh viễn |
| C | Trung bình | Cần điều trị y tế, mất ngày công |
| D | Nhẹ | Điều trị y tế (có thể quay lại làm việc) |
| E | Không đáng kể | Điều trị sơ cứu (có thể quay lại làm việc) |

c) Xác định khả năng xuất hiện của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mối nguy hiểm

Handwritten signature

Bên cạnh việc xác định hậu quả có thể xảy ra đối với mỗi mối nguy hiểm, cần thiết phải xác định khả năng xuất hiện (hay tần suất) của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mỗi nguy hiểm.

Ví dụ tại bảng sau, việc xác định khả năng xảy ra được chia làm 3 mức: ít, thỉnh thoảng, hay xảy ra.

| Khả năng xảy ra | Mô tả |
|------------------------|-------------------------------------|
| Hiếm khi | Ít có khả năng xuất hiện |
| Thỉnh thoảng | Có thể hoặc đã biết xuất hiện |
| Thường xuyên | Xuất hiện thông thường hoặc lặp lại |

Hoặc có thể chia làm 5 cấp độ như bảng sau đây:

| Cấp độ | Mô tả | Diễn giải |
|--------------------|-------------------------------------|---|
| Gần như chắc chắn | Sẽ xảy ra ít nhất một lần trong năm | Khả năng thường xuyên xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc rất thường xuyên xảy ra trong hoạt động với số lượng lớn của các thành phần tương tự. |
| Có khả năng xảy ra | Một lần trong 5 năm | Khả năng xảy ra vài lần trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống trong hoạt động với số lớn của các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/500 người thực hiện công việc. |
| Có thể xảy ra | Một lần trong 10 năm | Khả năng đôi khi xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc được trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời với số lượng lớn các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/ 50 000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 người thực hiện công việc. |
| Ít khi xảy ra | Một lần trong 15 năm | Đôi khi có thể xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời của một số lớn các thành phần tương tự. Hoặc xảy ra với xác suất 1/100 000 lần |

Handwritten signature

| Cấp độ | Mô tả | Diễn giải |
|-----------------|--|---|
| | | thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/10 000 người thực hiện công việc. |
| Hiếm khi xảy ra | Không trông đợi có thể xảy ra trong vòng đời của hoạt động | Không chắc có thể xảy ra trong vòng đời của một cá thể hoặc hệ thống mà nó chỉ có thể bằng cách giả định chứ không phải bằng trải nghiệm. Hiếm khi xảy ra trong đời của một số lớn thành phần tương tự. |

d) Đánh giá mức rủi ro dựa trên hậu quả và khả năng xảy ra. Lựa chọn ma trận rủi ro

Sau khi xác định các biện pháp kiểm soát môi nguy hiểm có sẵn, khả năng xảy ra và hậu quả của mỗi nguy hiểm, việc đánh giá mức độ rủi ro được thực hiện bằng cách sử dụng ma trận rủi ro.

Mức rủi ro được phân loại thành thấp, trung bình và cao và tùy thuộc vào sự kết hợp giữa hậu quả và khả năng xảy ra.

Ví dụ về ma trận xác định mức rủi ro 3x3

| Khả năng xảy ra \ Hậu quả | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
|---------------------------|------------|--------------|--------------|
| Nặng | Trung bình | Cao | Cao |
| Trung bình | Thấp | Trung bình | Cao |
| Nhẹ | Thấp | Thấp | Trung bình |

Ví dụ ma trận xác định mức rủi ro 5x 5:

Ma trận đánh giá rủi ro được sử dụng để phân loại rủi ro trong đánh giá này được trình bày như trong hình dưới đây.

Handwritten signature

| | E | D | C | B | A | |
|-------------------------------|----|----|----|----|----|-------------------|
| Gần như chắc chắn (1) | 15 | 10 | 6 | 3 | 1 | Rủi ro cực cao |
| Có khả năng xảy ra (2) | 19 | 14 | 9 | 5 | 2 | Rủi ro cao |
| Có thể xảy ra (3) | 22 | 18 | 13 | 8 | 4 | Rủi ro trung bình |
| Ít khi xảy ra (4) | 24 | 21 | 17 | 12 | 7 | Rủi ro thấp |
| Hiếm khi xảy ra (5) | 25 | 23 | 20 | 16 | 11 | |

- Vùng màu xanh (từ 21 đến 25) là vùng rủi ro thấp - chấp nhận rộng rãi. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào;

- Vùng màu xanh (từ 17 đến 20) là vùng rủi ro trung bình - chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào;

- Vùng màu vàng (từ 9 đến 16) là vùng rủi ro phải được giảm thiểu xuống mức thấp nhất phù hợp thực tế. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này cần cân nhắc giảm rủi ro tới một mức mà nếu áp dụng thêm các biện pháp giảm rủi ro thì sẽ không hiệu quả hoặc thiếu thực tế;

- Vùng màu đỏ (từ 1 đến 8) là vùng rủi ro cao - không chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này thì phải dừng hoạt động và áp dụng bổ sung các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.

7. Giải pháp kiểm soát rủi ro

Các biện pháp kiểm soát rủi ro phải được bắt đầu với mục tiêu loại trừ hoàn toàn rủi ro. Nếu điều này không thể đạt được, thì quá trình giảm thiểu phải được thực hiện theo một thứ tự quy định nhằm giảm thiểu rủi ro tới mức độ thấp nhất có thể được trong thực tế (ALARP) hoặc mức độ có thể chấp nhận được. Các biện pháp kiểm soát được xem xét theo thứ tự ưu tiên bao gồm:

Handwritten signature

- a) Loại bỏ từ nguồn;
- b) Thay thế;
- c) Giảm thiểu rủi ro;
- d) Kiểm soát có quy trình và năng lực nhân viên;
- đ) Kiểm soát hành chính;
- e) Kế hoạch và năng lực ứng phó tình huống khẩn cấp, biện pháp kiểm soát khi có sự cố.

8. Kết luận và kiến nghị

Handwritten signature

Phụ lục VII**NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN NỔ MÌN**

(kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

- Trích dẫn các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và thiết kế xây dựng, khai thác ... làm căn cứ để lập phương án;
- Quy mô xây dựng hoặc khai thác; tiến độ hoặc năng suất khai thác ngày, tháng, quý, năm;
- Sơ lược về phương pháp xây dựng, khai thác; thiết bị, nhân công;
- Giải thích từ ngữ, các cụm từ viết tắt (nếu có).

II. ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC NỔ MÌN

- Vị trí khu vực nổ mìn, cao độ, giới hạn toạ độ kèm theo bản đồ địa hình;
- Mô tả về đặc điểm dân cư, công trình, nhà không thuộc quyền sở hữu của tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong phạm vi bán kính 1000 m kể từ vị trí nổ mìn (kể cả các công trình ngầm);
- Đặc điểm đất đá khu vực nổ mìn (các đặc tính cơ lý σ_n , σ_k , f) hoặc điều kiện địa chất, môi trường khác (nước, bùn...);
- Hướng, trình tự khai thác, thay đổi về điều kiện địa chất, địa hình theo chu kỳ khai thác và ảnh hưởng có thể có đến công tác nổ mìn; ảnh hưởng đến các công trình, nhà dân xung quanh.

III. TÍNH TOÁN, LỰA CHỌN CÁC THÔNG SỐ KHOAN NỔ MÌN

- Lựa chọn đường kính lỗ khoan, chiều cao tầng H (nếu đào hầm lò thì lựa chọn chiều dài một bước đào), đường cản chân tầng;
- Lựa chọn chiều sâu lỗ khoan;
- Lựa chọn chỉ tiêu thuốc nổ tính toán;
- Lựa chọn phương pháp nổ mìn;
- Lựa chọn vật liệu nổ công nghiệp;
- Khối lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất;
- Xác định các thông số khoảng cách lỗ, góc nghiêng lỗ khoan;
- Xác định lượng thuốc nạp cho một lỗ khoan tương ứng với chiều sâu lỗ khoan bảo đảm điều kiện an toàn về bụi;
- Lựa chọn cấu trúc cột thuốc nổ trong lỗ khoan;
- Tính toán, lựa chọn thông số khoan nổ mìn, tạo biên (nếu có);

Handwritten signature

- Tính toán về an toàn (chấn động, sóng không khí và đá văng) xác định quy mô một lần nổ (kg);
- Lựa chọn khoảng cách an toàn cho người, thiết bị;
- Dự kiến số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng tháng;
- Dự kiến số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng quý;
- Dự kiến tổng số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng để thi công công trình.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN KHI NỔ MÌN

- Biện pháp an toàn khi bốc dỡ, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;
- Biện pháp an toàn khi nạp mìn;
- Biện pháp che chắn bảo vệ chống đá văng (nếu có);
- Quy định các tín hiệu cảnh báo an toàn và giờ nổ mìn;
- Quy định về canh gác mìn;
- Biện pháp kiểm tra sau nổ mìn và xử lý mìn câm;
- Các quy định bổ sung về biện pháp xử lý, ứng phó khi gặp sự cố về thời tiết, cản trở khác trong các khâu khoan, nạp...;
- Các hướng dẫn khác để tăng cường an ninh, an toàn (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Trình tự thực hiện, thủ tục kiểm soát các bước;
- Quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng nhóm trong các khâu khoan, nạp, nổ và xử lý sau khi nổ mìn;
- Các quy định về báo cáo, ghi chép các sự kiện bất thường nhưng chưa đến mức xảy ra sự cố trong đợt nổ mìn; các ghi chép về sự cố nếu có (các nội dung này ghi ở phần kết quả nổ mìn trong hộ chiếu);
- Các quy định kỷ luật nội bộ khi có vi phạm;
- Hiệu lực của Phương án và ngày sửa đổi, bổ sung;
- Tên người lập phương án, người duyệt; cơ quan phê duyệt (nếu có).

PHÊ DUYỆT

(Người quản lý)

NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN

(Chỉ huy nổ mìn hoặc chỉ huy công trường...)

Ghi chú:

Phương án nổ mìn các dạng đặc biệt khác (dưới nước, phá dỡ công trình, nổ trong giếng khoan dầu khí...) có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Phụ lục VIII**MẪU HỘ CHIẾU NỔ MÌN**

(kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Ký hiệu | Tên biểu mẫu |
|----------------|--|
| Mẫu số 01 | Hộ chiếu nổ mìn lộ thiên |
| Mẫu số 02 | Hộ chiếu nổ mìn hầm/lò |
| Mẫu số 03 | Hộ chiếu nổ mìn giếng khoan dầu khí |
| Mẫu số 04 | Hộ chiếu nổ mìn thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp |

Handwritten signature

Mẫu số 01. Hộ chiếu nổ mìn lộ thiên

Đơn vị:.....
 Công trường, phân xưởng:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN LỘ THIÊN

Số :...../...../ 20....../ HCNM

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. ĐỊA ĐIỂM NỔ:

II. THỜI ĐIỂM NỔ: Nổ mìn vào hồi :h..... phút ngày.....tháng...năm 20....

III. LOẠI ĐÁT ĐÁ: Đất đá loại :

Độ cứng: $f =$

IV. THÔNG SỐ BÃI NỔ

| Từ lỗ số đến lỗ số | H (mét) | D _{LK} (mm) | L _K (mét) | Khoảng cách (mét) | | | Tổng số lỗ | Chiều cao cột bua thiết kế L _{Bua} (mét) | Tổng số mét khoan của lỗ có đường kính (mét) |
|--------------------|---------|----------------------|----------------------|-------------------|---|---|------------|---|--|
| | | | | a | b | W | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

- Chỉ tiêu thuốc nổ kỹ trước (q_{tt} ; kg/m³).....

- Chỉ tiêu thuốc nổ lựa chọn cho đợt nổ (q_{TT} ; kg/m³) với đường kính lỗ khoan:

V. VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG

.....

VI. PHẦN TÍNH TOÁN LƯỢNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

| STT | H _(m) | L _(m) Thực tế | Khoảng cách (m) | | | Thể tích lỗ V(m ³) | Chỉ tiêu q (kg/m ³) | Q _{kg} | Vật liệu nổ công nghiệp thực tế | | | Bua L _{Bua} (m) |
|-----|------------------|-----------------------------|-----------------|---|---|--------------------------------|-----------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------|-----------|--------------------------|
| | | | a | b | W | | | | Thuốc nổ (kg) | Môi (quả) | Kíp (cái) | |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | |

Lưu ý: Những nhóm lỗ mìn đường kính < 65 mm và có các thông số D_K, H, a, b, W như nhau thì cho phép tính lượng thuốc nổ của một lỗ đại diện và các lỗ trong nhóm chỉ cần thể hiện ở cột TT (từ số ... đến số). Trường hợp khi tính toán nổ mìn ốp, phải thể hiện thể tích, số lượng hòn đá và lượng thuốc nổ, phụ kiện nổ cho từng hòn đá phải nổ ốp.

Handwritten signature

- Tổng lượng đá phá ra $V = \dots\dots\dots (m^3)$
- Tổng lượng thuốc nổ các loại $Q = \dots\dots\dots (kg)$
- Tính toán dòng điện qua kíp bảo đảm $I \geq 1,3A$ với dòng 1 chiều, $I \geq 2,5A$ với dòng xoay chiều.

VII. SƠ ĐỒ KHỞI ĐỘNG BÃI NỔ (SƠ ĐỒ ĐẦU) VÀ MẶT CẮT LỖ MÌN

VIII. VẬT LIỆU NỔ THỪA TRẢ VỀ KHO

Chỉ huy thi công nổ ký xác nhận vật liệu nổ công nghiệp thừa:

IX. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu bắt đầu nạp mìn.....
- Tín hiệu khởi nổ
- Tín hiệu báo yên.....

X. KHOẢNG CÁCH AN TOÀN

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến bãi nổ(mét)
- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến bãi nổ(mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho người: $R(\text{Người}) \dots\dots\dots(\text{mét})$
- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị : $R(\text{TB}) \dots\dots\dots(\text{mét})$

XI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

XII. PHÂN CÔNG NHÂN SỰ THI CÔNG BÃI NỔ

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tổ, Đội | Nạp từ lỗ số | $L_b(m)$ | Ký nhận |
|------|-----------|---------|---------|--------------|----------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

XIII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GÁC, NƠI ẪN NẤP, DI CHUYỂN MÁY (Phải bảo đảm người, thiết bị di chuyển khỏi bán kính nguy hiểm và cắt điện trước giờ nổ mìn 20 phút. Sơ đồ di chuyển người, thiết bị máy móc phải thể hiện đầy đủ các khoảng cách từ bãi nổ đến các trạm gác,

Handwritten signature

công trình nằm trong vùng nguy hiểm, các thiết bị phải di chuyển ra khỏi vùng bán kính nguy hiểm và vị trí điểm hỏa)

XIV. PHÂN CÔNG GÁC Mìn

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tổ, Đội | Trạm gác số | Ký nhận |
|-----|-----------|---------|---------|-------------|---------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

XV. KẾT QUẢ NỔ Mìn: *(Chỉ huy nổ mìn ghi lại kết quả sau khi kiểm tra bãi nổ)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Vụ nổ kết thúc vào lúc ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ Mìn
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI QUẢN LÝ DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Khi lập Hộ chiếu nổ mìn lộ thiên có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực nổ mìn nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu số 01 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thi công nhiều bãi nổ trong cùng một khu vực (thời gian khởi nổ của từng bãi nổ cách nhau thời gian ngắn), cho phép tách các mục XI, XII, XIV lập thành một hộ chiếu an toàn chung cho các bãi nổ.

Handwritten signature

Mẫu số 02. Hộ chiếu nổ mìn hầm/lò

Đơn vị:.....
 Công trường, phân xưởng:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN HẦM /LÒ

Số:...../...../ 20.....

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. VỊ TRÍ NỔ:

II. ĐẤT ĐÁ LOẠI:

III. SƠ ĐỒ PHÂN BỐ LỖ KHOAN CỦA GƯƠNG NỔ, NẠP THUỐC VÀ ĐẦU NÓI

IV. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG (của một ca hoặc một kíp sản xuất)

V. BẢNG LÝ LỊCH LỖ MÌN

| Nhóm lỗ khoan | Số lỗ khoan (lỗ) | Chiều sâu lỗ khoan (m) | Độ nghiêng lỗ khoan | | Lượng thuốc nạp một lỗ | | Kíp nổ (cái/lỗ) | Tổng thuốc nổ trong nhóm lỗ khoan | | Tổng kíp nổ trong nhóm lỗ khoan (cái) | Ghi chú |
|---------------|------------------|------------------------|---------------------|-----------|------------------------|-----------------|-----------------|-----------------------------------|-----------------|---------------------------------------|---------|
| | | | Bằng (độ) | Cạnh (độ) | Thuốc nổ 1 (Kg) | Thuốc nổ 2 (Kg) | | Thuốc nổ 1 (Kg) | Thuốc nổ 2 (Kg) | | |
| Từ lỗ | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

VI. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu thi công mìn:.....

- Tín hiệu nổ mìn:

- Tín hiệu báo yên:.....

VII. PHÂN CÔNG GÁC MÌN

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tổ, Đội | Trạm gác số | Ký nhận |
|-----|-----------|---------|---------|-------------|---------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| ... | | | | | |

Handwritten signature

VIII. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ NỔ MÌN, TRẠM GÁC MÌN, NƠI TRÁNH MÌN, VỊ TRÍ KHỎI NỔ

.....

.....

IX. VẬT LIỆU NỔ THỪA TRẢ VỀ KHO

.....

.....

Chỉ huy nổ mìn ký xác nhận:.....

X. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

.....

.....

XI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NỔ MÌN

1. Đánh giá công tác thực hiện hộ chiếu khoan:.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

.....

.....

.....

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI QUẢN LÝ DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Khi lập Hộ chiếu nổ mìn hầm/lò có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại gương nổ nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu số 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

- Trường hợp nổ mìn trong hầm/lò tại khu vực có nguy cơ phát sinh khí nổ (CH_4) phải bổ sung nội dung công tác kiểm soát khí trước và sau khi nổ mìn (sau mục V)

CÔNG TÁC KIỂM SOÁT KHÍ TRƯỚC VÀ SAU KHI NỔ MÌN

| Kết quả đo khí trong ca | | | | | | | | |
|-------------------------|------------------|-------|-------|-------|----------------|-------|-------|-------|
| Hàm lượng khí (%) | Trước khi nổ mìn | | | | Sau khi nổ mìn | | | |
| | Lần 1 | Lần 2 | Lần 3 | Lần 4 | Lần 1 | Lần 2 | Lần 3 | Lần 4 |
| CH ₄ | | | | | | | | |
| CO ₂ | | | | | | | | |
| CO | | | | | | | | |
| Người đo ký tên | | | | | | | | |

Handwritten signature

Mẫu số 03. Hộ chiếu nổ mìn giếng khoan dầu khí

Đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**HỘ CHIẾU NỔ MÌN GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ**

Số:

ngày tháng năm 20.....

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. VỊ TRÍ NỔ MÌN

- Giàn khoan, giếng:.....
- Đơn vị chủ giếng:.....
- Phương thức sử dụng: được thể hiện theo bảng sau

| | Lấy mẫu lõi | Bắn via, đục lỗ | Cắt cần, ống chống, ống tubing | Tháo ren cần khoan | Đặt nút chặn | Ghi chú |
|-----------------------------------|-------------|-----------------|--------------------------------|--------------------|--------------|---------|
| Cân bằng áp suất | | | | | | |
| Áp suất giếng lớn hơn áp suất vỉa | | | | | | |
| Áp suất giếng nhỏ hơn áp suất vỉa | | | | | | |
| Bắn dòng âm | | | | | | |
| Bắn dòng Dương | | | | | | |
| Bắn âm-dương | | | | | | |

II. THỜI GIAN NỔ MÌN:**III. BẢNG LÝ LỊCH LỖ MÌN**

| Giếng khoan | | Thiết bị/súng | | Đạn, đầu nổ, dây dẫn nổ, hẹn giờ | | | | Kíp, ngòi nổ, môi | | | Ngày đầu nổ |
|---------------------------|---------------------------|---------------|----------|----------------------------------|---------|----------------------------|--------------|-------------------|---------|----------------|-------------|
| Vị trí nổ theo độ sâu (m) | Chiều dài vỉa, nếu có (m) | Model, Sêri | Số lượng | Mã số | Tên gọi | Số lượng (viên, cái, feet) | Ngày lắp ráp | Mã số | Tên gọi | Số lượng (cái) | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

Người kiểm soát đầu nổ:.....

IV. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG

| Loại vật liệu nổ công nghiệp | Số lượng vật liệu nổ công nghiệp tiêu thụ | | | | | | Thừa trả về kho |
|------------------------------|---|--------|---------|--------|---------|---------|-----------------|
| | Lần 1 | Lần .. | Lần ... | Lần .. | Lần ... | Lần ... | |
| | | | | | | | |



| | | | | | | | |
|---------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| Đạn | | | | | | | |
| Dây | | | | | | | |
| Mồi | | | | | | | |
| Hẹn giờ | | | | | | | |
| Kíp, ngòi, | | | | | | | |
| Phương tiện nổ khác | | | | | | | |

V. SƠ ĐỒ NẠP Mìn (đạn, cấu kiện, kíp nổ...)

.....

VI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

.....

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI CÔNG NỔ Mìn

1. Đánh giá công tác phối hợp thực hiện giàn/tàu khoan:

.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

.....

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ Mìn

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI QUẢN LÝ DUYỆT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Khi lập Hộ chiếu nổ mìn giếng khoan dầu khí có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế nổ mìn của giếng khoan nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Handwritten signature

Mẫu số 04. Hộ chiếu nổ mìn thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp

Đơn vị:.....
 Công trường, phân xưởng:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN THỬ NGHIỆM

Số: /HCNM-TN

Theo phương án nổ mìn thử nghiệm số: ngày .. tháng ... năm 20...

I. ĐỊA ĐIỂM NỔ:.....**II. THỜI GIAN NỔ THỬ NGHIỆM:** vào hồi: ngày tháng năm 20....**III. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG**

| STT | Loại vật liệu nổ công nghiệp | Đơn vị | Lượng vật liệu nổ công nghiệp | | | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------|-------------------------------|---------|--------|---------|
| | | | Yêu cầu | Thực tế | Trả về | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

IV. CHỈ TIÊU VÀ CÁC PHÁT MÌN THỬ NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm | Khối lượng thuốc nổ sử dụng một lần nổ thử nghiệm | Tổng khối lượng phép thử | Đơn vị | Địa điểm thử |
|------|---------------------|---|--------------------------|--------|--------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| | | | | | |

V. PHÂN CÔNG NHÂN SỰ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THỬ NGHIỆM

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thực hiện phép thử | Ký nhận |
|-----|-----------|---------|--------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| ... | | | | |

VI. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu bắt đầu thao tác:
- Tín hiệu khởi nổ:

Handwritten signature

- Tín hiệu báo yên:

VII. KHOẢNG CÁCH AN TOÀN

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến vị trí nổ: (mét)
- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến vị trí nổ: (mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho người: (mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị:

VIII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CANH GÁC KHI NỔ MÌN THỬ NGHIỆM

.....
.....

IX. PHÂN CÔNG GÁC MÌN

- Quy định về gác mìn: Tại các điểm đầu đường vào khu vực nổ mìn có biển báo ghi rõ “*Khu vực nổ mìn - Cấm vào*”, liên lạc với chỉ huy nổ mìn bằng bộ đàm cầm tay. Làm theo hướng dẫn của chỉ huy nổ mìn;
- Sơ đồ phân công các vị trí người gác mìn kèm theo hộ chiếu nổ mìn được bố trí và ký nhận cụ thể vào từng khu vực trước khi nổ mìn thử nghiệm.

X. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

- Mọi thao tác trong quá trình thử nghiệm phải đảm bảo an toàn theo đúng quy định tại QCVN 01: 2019/BCT;
- Biện pháp an toàn khi thao tác thử nghiệm các chỉ tiêu:
- Quy định về canh gác khi nổ thử nghiệm:
- Biện pháp kiểm tra sau khi nổ và xử lý mìn câm:
- Vệ sinh dụng cụ, cất giữ vào nơi quy định sau khi sử dụng.
- Ghi chép đầy đủ trong sổ thử nghiệm, nhật ký thiết bị.

X. KẾT QUẢ NỔ MÌN

Kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu và mẫu dư (thu gom) trong quá trình thử nghiệm, sẽ được lập phiếu kết quả và biên bản thử nghiệm sau khi kết thúc công việc vào cuối ngày thử nghiệm.

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI QUẢN LÝ DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IX**NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG CỨU KHẨN CẤP**

(kèm theo Thông tư số 3 /2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Mục đích của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp**2. Phạm vi của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp****3. Phân loại các tình huống khẩn cấp**

Phân loại và phương pháp phát hiện các tình huống khẩn cấp.

4. Các tình huống khẩn cấp**5. Sơ đồ tổ chức và nguồn lực ứng cứu**

a) Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, trách nhiệm của từng cá nhân, hệ thống báo cáo khi xảy ra sự cố, tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm;

b) Mô tả các nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu hiệu quả các tình huống khẩn cấp.

6. Quy trình ứng cứu các tình huống cụ thể

a) Các hành động khi phát hiện tình huống khẩn cấp;

b) Xác định các tác động có thể gây nguy hiểm đối với người và phương tiện, thiết bị tại hiện trường và các vị trí, sơ đồ thoát hiểm; quyết định cần thiết khi phải sơ tán;

c) Quy trình ứng cứu sự cố các tình huống cụ thể: An ninh, an toàn, thiên tai.

7. Thông tin liên lạc, báo cáo

a) Sơ đồ thông tin liên lạc nội bộ và bên ngoài;

b) Liên lạc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền; huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở;

c) Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan.

8. Báo cáo

a) Quy trình báo cáo;

b) Biểu mẫu báo cáo.

9. Huấn luyện, diễn tập

a) Huấn luyện;

b) Diễn tập.

10. Công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả của sự cố.

11. Kế hoạch khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của máy, thiết bị, công trình đã xảy ra sự cố.

Handwritten signature

Phụ lục X
MẪU BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG
NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

(kèm theo Thông tư số 2 32024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Ký hiệu | Tên biểu mẫu |
|-----------|--|
| Mẫu số 01 | Báo cáo định kỳ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ |
| Mẫu số 02 | Báo cáo định kỳ của tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ |
| Mẫu số 03 | Báo cáo định kỳ của Sở Công Thương |
| Mẫu số 04 | Báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ |
| Mẫu số 05 | Báo cáo đột xuất của Sở Công Thương |

Mẫu số 01. Báo cáo định kỳ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, ...⁽¹⁾... báo cáo tình hình ...⁽³⁾... từ ... đến ... như sau:

1. Tình hình hoạt động

a) Chung loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ ⁽⁵⁾

| TT | Tháng | Thuốc nổ (Kg) | | | kíp nổ (cái) | | | | Dây cháy chậm (m) | Dây nổ (m) | Dây dẫn nổ các loại (m) |
|------|----------|---------------|------|--------------|--------------|-----|-----|-----------|-------------------|------------|-------------------------|
| | | Thuốc nổ 1 | | Thuốc nổ (n) | Kíp thứ 1 | ... | ... | Kíp thứ n | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | 06 tháng | | | | | | | | | | |
| | Cả năm | | | | | | | | | | |

b) Chung loại, số lượng tiền chất thuốc nổ đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong kỳ

| TT | Tháng | NH ₄ NO ₃ (Kg) | CH ₃ NO ₂ (Kg) | NaNO ₃ (Kg) | KNO ₃ (Kg) | NaClO ₃ (Kg) | KClO ₃ (Kg) | KClO ₄ (Kg) |
|------|-------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | ... | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| | 06 | | | | | | | |

Handwritten signature

| | | | | | | | | |
|--|--------|--|--|--|--|--|--|--|
| | tháng | | | | | | | |
| | Cả năm | | | | | | | |

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (số lượng kho, tổng công suất kho):

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định:

b) Đánh giá rủi ro (nếu có):

c) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có):

d) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ:

đ) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường:

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁷⁾.....;
- Lưu:⁽⁸⁾.....

.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh).
- (3) Loại hình hoạt động (Ví dụ: Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp).
- (4) Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp).
- (5) Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (7) Tên các tổ chức có liên quan.
- (8) Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Nguyễn Văn A

Mẫu số 02. Báo cáo định kỳ của tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình⁽³⁾.....

Kính gửi:

⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương,⁽¹⁾..... là tổ chức⁽⁵⁾.....do⁽⁶⁾..... cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp báo cáo tình hình sử dụng⁽³⁾..... từ đến như sau:

1. Tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Chung loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ ⁽⁷⁾

| TT | Tháng | Thuốc nổ (Kg) | | | Kíp nổ (cái) | | | | Dây cháy chậm (m) | Dây nổ (m) | Dây dẫn nổ các loại (m) |
|------|----------|---------------|------|--------------|--------------|-----|-----|-----------|-------------------|------------|-------------------------|
| | | Thuốc nổ 1 | | Thuốc nổ (n) | Kíp thứ 1 | ... | ... | Kíp thứ n | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | 06 tháng | | | | | | | | | | |
| | Cả năm | | | | | | | | | | |

b) Chung loại, số lượng tiền chất thuốc nổ đã sử dụng trong kỳ

| TT | Tháng | NH ₄ NO ₃ (Kg) | CH ₃ NO ₂ (Kg) | NaNO ₃ (Kg) | KNO ₃ (Kg) | NaClO ₃ (Kg) | KClO ₃ (Kg) | KClO ₄ (Kg) |
|------|----------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | ... | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| | 06 tháng | | | | | | | |
| | Cả năm | | | | | | | |

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (số lượng kho, tổng công suất kho):

Handwritten signature

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định:

b) Đánh giá rủi ro (nếu có):

c) Phương án nổ mìn (nếu có):

d) Hộ chiếu nổ mìn (nếu có):

đ) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có):

e) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ:

g) Thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có):

h) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường:

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁹⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁰⁾.....,

.....⁽⁸⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp báo cáo tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh).

(3) Loại hình hoạt động (Ví dụ: Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp).

(4) Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh).

(5) Loại hình hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Khai thác khoáng sản; thi công công trình; sử dụng tiền chất thuốc nổ).

(6) Tên cơ quan cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp). Đối với trường hợp sử dụng tiền chất thuốc nổ không phải thực hiện nội dung này.

(7) Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng đề báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

(8) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

(9) Tên các tổ chức có liên quan.

(10) Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Nguyễn Văn A

Mẫu số 03. Báo cáo định kỳ của Sở Công Thương.....⁽¹⁾.....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..**BÁO CÁO****Về tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương,...⁽¹⁾... báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh từ ... đến ... như sau:

1. Tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Số lượng tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (báo cáo chi tiết các đối tượng sử dụng tương ứng với loại hình hoạt động) ⁽³⁾

| TT | Loại hình hoạt động của tổ chức | Số lượng tổ chức | Số lượng Giấy phép | Cơ quan cấp phép | | |
|----|---|------------------|--------------------|------------------|---------------|----------------|
| | | | | Bộ Công Thương | Bộ Quốc phòng | Sở Công Thương |
| 1 | Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản trên đất liền | | | | | |
| 2 | Thi công công trình | | | | | |
| 3 | Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trên biển | | | | | |
| 4 | Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm | | | | | |
| 5 | Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho mục đích khác | | | | | |
| 6 | Sử dụng tiền chất thuốc nổ | | | | | |
| 7 | Sản xuất tiền chất thuốc nổ | | | | | |

b) Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ ⁽⁴⁾

| TT | Tháng | Thuốc nổ (Kg) | | | kíp nổ (cái) | | | | Dây cháy chậm (m) | Dây nổ (m) | Dây dẫn nổ các loại (m) |
|------|----------|---------------|------|--------------|--------------|-----|-----|-----------|-------------------|------------|-------------------------|
| | | Thuốc nổ 1 | | Thuốc nổ (n) | Kíp thứ 1 | ... | ... | Kíp thứ n | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | 06 tháng | | | | | | | | | | |
| | Cả năm | | | | | | | | | | |

c) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ đã sản xuất trong kỳ

| TT | Tháng | NH ₄ NO ₃ (Kg) | CH ₃ NO ₂ (Kg) | NaNO ₃ (Kg) | KNO ₃ (Kg) | NaClO ₃ (Kg) | KClO ₃ (Kg) | KClO ₄ (Kg) |
|------|----------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | ... | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| | 06 tháng | | | | | | | |
| | Cả năm | | | | | | | |

d) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ đã sử dụng trong kỳ

| TT | Tháng | NH ₄ NO ₃ (Kg) | CH ₃ NO ₂ (Kg) | NaNO ₃ (Kg) | KNO ₃ (Kg) | NaClO ₃ (Kg) | KClO ₃ (Kg) | KClO ₄ (Kg) |
|------|----------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | ... | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| | 06 tháng | | | | | | | |
| | Cả năm | | | | | | | |

d) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp (số lượng kho, tổng công suất kho):

đ) Kho bảo quản tiền chất thuốc nổ (số lượng kho, tổng công suất kho):

e) Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:

2. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:

3. Các vụ thất thoát, mất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Loại hình hoạt động (sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp...):

- Số lượng mất:

- Nguyên nhân:

- Hình thức đã xử lý:

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:

5. Các đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

(1) Tên Sở Công Thương.

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh).

(3) Chi tiết các tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với các loại hình (Ví dụ: Công ty A, khai thác đá).

(4) Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

(5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

(6) Tên các tổ chức có liên quan.

(7) Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu số 04. Báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình⁽³⁾..... như sau:

1. Nội dung sự việc (trình bày diễn biến, hậu quả sự việc):
2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan:
3. Các biện pháp khắc phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh).
- (3) Tình huống đột xuất (Ví dụ: Thất thoát vật liệu nổ công nghiệp).
- (4) Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh).
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (6) Tên các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- (7) Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Nguyễn Văn A

Mẫu số 05. Báo cáo đột xuất của Sở Công Thương.....⁽¹⁾.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm 20...**BÁO CÁO****Về tình hình**⁽³⁾.....

Kính gửi:(4).....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình⁽³⁾..... như sau:

1. Nội dung sự việc (trình bày diễn biến, hậu quả sự việc):
2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan:
3. Các biện pháp khắc phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)**Nguyễn Văn A****Chú thích:**

- ⁽¹⁾ Tên Sở Công Thương (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh).
- ⁽²⁾ Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh).
- ⁽³⁾ Tình huống đột xuất (Ví dụ: Thất thoát vật liệu nổ công nghiệp).
- ⁽⁴⁾ Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: UBND tỉnh Quảng Ninh).
- ⁽⁵⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- ⁽⁶⁾ Tên các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- ⁽⁷⁾ Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.